

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2023/HS-PT**

Ngày: 24-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang

Bà Nguyễn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Du – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thị Thu Sương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 463/2023/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thành Tr, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 195/2022/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 03/11/2004 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Ấp Xà Bang 2, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi sinh sống: Ấp Phước Hòa, xã Long Phước, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Hiệu – sinh năm 1969; Con bà Trần Thị Kim Cúc – sinh năm 1979; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/7/2021, đến ngày 19/7/2021 chuyển tạm giam đến nay. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Tr: Luật sư Trần Văn N – Thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 153 đường B5, khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị NA, sinh ngày 11/6/2005.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Hiền Đức, xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*: Ông Nguyễn Minh H - sinh năm: 1983, bà Phạm Thị H – sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 1, ấp Hiền Đức, xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo có mặt; Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã có lời khai đầy đủ và không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị NA sinh ngày 11/6/2005 có nợ tiền mua hàng mỹ phẩm của Trần Thị Hồng Ph với số tiền 3.500.000 đồng, sau đó Ph nhờ Trần Ngọc H nhờ đòi nợ giúp, H đồng ý và đã nhiều lần đòi tiền NA nhưng không được. Đến cuối tháng 6/2021 H nhờ Nguyễn Thành Tr sinh ngày 03/11/2004 đòi nợ NA số tiền trên và hứa nếu Tr đòi được tiền sẽ cho Tr 1.100.000 đồng, Tr điện thoại đòi NA trả số tiền 3.500.000 đồng nhưng NA chưa trả.

Khoảng 17h30 ngày 01/7/2021, Tr điều khiển xe mô tô biển số 72F - 761.10 đến quán cà phê H tại ấp H, xã P, LT, Đồng Nai gặp NA và yêu cầu trả nợ, nhưng NA nói chưa có tiền trả. Tr yêu cầu NA lên xe chở đến nhà nghỉ Lê Quỳnh, thuộc ấp Phước Hòa, xã Long Phước, huyện LT, Tr thuê phòng 112 giữ NA ở lại trong phòng để ép buộc NA trả nợ. Tại đây, Tr đưa tờ giấy do Tr ghi sẵn nội dung NA nợ Tr 50.000.000 đồng và 01 tờ giấy trắng ép buộc NA ký vào 02 tờ giấy, Tr đe dọa ép buộc NA phải ký giấy nợ ngay. Lo sợ, NA ký và ghi họ tên vào giấy nợ ghi sẵn và tờ giấy trắng nêu trên. Sau khi NA ký nợ, nhằm tạo áp lực ép NA trả nợ, Tr gọi điện thoại cho 02 phụ nữ tên Chiêu và Thủy (chưa rõ họ nhân thân lai lịch) đến nhà nghỉ Lê Quỳnh với mục đích đe dọa NA buộc trả nợ, Chiêu và Thủy đến gặp NA, Chiêu nói NA “em không trả tiền người ta đánh em thì sao”, nói xong thì Chiêu, Thủy bỏ đi. Lát sau, NA đòi về nhưng Tr không cho và nói “Em nợ tiền anh nên anh phải cầm chân (giữ) em một ngày” và tiếp tục đe dọa “nếu em về anh gọi mấy thằng đến”, NA sợ nên phải ngủ lại phòng 112 nhà nghỉ Lê Quỳnh. Đến 06 giờ 30 phút sáng ngày 02/7/2021 thì Tr chở NA về quán cà phê H để NA làm việc. Đối với tờ giấy trắng mà NA đã ký tên Tr đã

tự ý viết vào nội dung NA nợ Tr số tiền 75.000.000 đồng còn tờ giấy mà NA ký nhận nợ 50.000.000 đồng Tr rút bỏ.

Đến 18 giờ 30 phút ngày 06/7/2021, Tr điều khiển xe mô tô biển số 72F1-761.10 đến quán cà phê H gặp NA đòi nợ số tiền 75.000.000 đồng theo giấy nợ mà Tr yêu cầu NA ký không nêu trên, nhưng NA nói không có tiền trả, Tr yêu cầu NA lên xe và chở NA đến nhà nghỉ trên và thuê phòng 106 rồi điện thoại gọi Nguyễn Bình L đến nhà nghỉ cùng Tr đòi nợ NA. Khoảng 15 phút sau L đến vào phòng gặp NA hỏi “khi nào em có tiền trả cho Tr”, NA nói “giờ em chưa có”. Tiếp đó, Tr rủ L chở NA về nhà NA để đòi tiền của cha mẹ NA nhưng L không đi mà nhờ 02 người bạn của L là T và P (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi cùng với Tr đến nhà cha mẹ NA tại ấp Hiền Đức, xã P, huyện LT, còn L thì đi về nhà. Tại nhà của NA, Tr đưa ra tờ giấy ghi NA nợ Tr 75.000.000đ để đòi nợ cha mẹ của NA, nhưng không được nên Tr chở NA quay lại phòng 106 nhà nghỉ Lê Quỳnh còn Phúc và Tùng bỏ đi. Khi vào phòng Tr thấy NA có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng ở túi quần sau, Tr yêu cầu NA đưa cho Tr để trừ nợ, NA không đồng ý thì Tr vòng tay ra sau giật lấy điện thoại đồng thời Tr dùng tay tát NA 01 cái vào mặt, sau khi lấy được điện thoại Tr để NA ở lại phòng 106 còn Tr mang điện thoại vừa chiếm đoạt đến cửa hàng điện thoại “Tuần Lộc” ở ấp Phước Hòa, xã Long Phước do anh Nguyễn Anh Tuấn làm chủ bán được 1.000.000 đồng rồi quay lại Nhà nghỉ trên thuê thêm phòng 109 để nghỉ, tiếp đó Tr điện thoại rủ L đến xem bóng đá, còn NA ngủ lại phòng 106. Đến 05 giờ 00 phút ngày 07/7/2021, L đi sang phòng 106 gọi NA dậy để trả phòng rồi kêu NA sang phòng 109, khi NA sang phòng 109 thì Tr đi ra ngoài mua đồ ăn sáng. Lúc này thấy NA nằm ngủ trên giường L nảy sinh ý định quan hệ tình dục với NA, nên L ngồi xuống giường cạnh NA rồi dùng tay sờ vào chân và tay NA, NA thức dậy, L nói “cho anh quan hệ rồi nợ bao nhiêu tiền anh nói thẳng Tr cho” và dùng tay nắm hai tay NA, NA không đồng ý và nói “Cút đi” nên L buông tay đi đến ghế ngồi, sau đó Tr về phòng và chở NA về quán cà phê L đi làm.

Đến ngày 09/7/2021, ông Nguyễn Minh Hà (cha của Nguyễn Thị NA) làm đơn tố cáo Tr đến Công an xã P về hành vi trên. Đến ngày 10/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện LT đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thành Tr.

Tại bản kết L định giá tài sản tố tụng hình sự số 93/KLĐGTS ngày 15/09/2021 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện LT kết L:

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y20 màu trắng có trị giá 1.850.000 đồng.

Về vật chứng tài sản tạm giữ: tạm giữ 01 xe mô tô biển số 72F1-761.10 và 01 điện thoại hiệu Vivo Y20 màu trắng, 01 tờ giấy nợ số tiền 75.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 195/2022/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Đồng Nai Quyết định:

1. Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr: **02** (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2021.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 101, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr: **07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2021.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chấp hành hình phạt chung là: **09** (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2021.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải nộp lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/11/2022, bị cáo Nguyễn Thành Tr có đơn kháng cáo cho rằng mức án Tòa án nhân dân huyện LT tuyên án đối với bị cáo là quá nặng và tuyên án 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” là không đúng người, đúng tội vì bị cáo không thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành Tr đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Tuy nhiên bị cáo cho rằng thời điểm đó bản thân không nhận thức được đầy đủ hành vi của mình là tội phạm. Đến khi bị bắt, truy tố, xét xử mới nhận ra mình phạm tội.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vì căn cứ vào lời khai nhận của bị hại có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ cho rằng bị cáo chỉ phạm tội có 01 lần “Giữ

người trái pháp luật” vào ngày 01/7/2021, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 06 đến 03 năm tù. Bị cáo không phạm tội lần 02 “Giữ người trái pháp luật” vào ngày 06/7/2021. Vì không lấy được tiền nên bị cáo Tr tiếp tục chở bị hại về lại nhà nghỉ Lê Quỳnh, bị cáo không ở chung phòng với bị hại, bị cáo có thuê phòng 106 cho bị hại ở một mình. Tại đây bị cáo Tr không khóa trái cửa phòng của bị hại và trong thời gian bị cáo ra ngoài mua đồ ăn thì bị hại có đi ra quầy lễ tân mượn điện thoại gọi cho ai đó, khi gọi xong thì bị hại lại tự đi vào phòng 106 (lời khai của Nguyễn Minh Hiệp BL77).

Căn cứ các dấu hiệu về mặt khách quan cấu thành tội phạm và lời khai của bị hại, bị cáo trong hồ sơ và tại phiên tòa hành vi của bị cáo Tr có dấu hiệu phạm 02 tội là: “Cưỡng đoạt tài sản” ở mức độ tội phạm chưa đạt quy định tại Điều 15, Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai cho rằng:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết.

Về nội dung kháng cáo: Về tội danh cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Tr tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 157 và “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ. Tuy nhiên mức án cấp sơ thẩm tuyên phạt là nặng cần xem xét tính lại mức án cho bị cáo Tr do là người chưa thành niên phạm tội.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành Tr sửa bản án sơ thẩm số 195/2022/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện LT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm và phúc thẩm đều thực hiện đầy đủ, trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Kháng cáo của bị cáo, trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành Tr thừa nhận tòa bộ hành vi phạm tội của bản thân.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyễn Thành Tr được Trần Ngọc H nhờ đòi tiền chị Nguyễn Thị NA sinh ngày 11/6/2005 giúp chị Trần Thị Hồng Ph. Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 06/7/2021 Tr đã 02 lần có hành vi “Giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”, cụ thể:

- Lần 1: Tr chở chị NA từ quán cà phê H ở ấp H, xã P, huyện LT đến nhà nghỉ “Lê Quỳnh” thuộc ấp Phước Hòa, xã Long Phước, huyện LT, tỉnh Đồng Nai để giữ chị NA tại phòng 112 từ 17 giờ 30 ngày 01/7/2021 đến 06 giờ 30 phút ngày 02/7/2021. Tại đây Tr có hành vi đe dọa, ép buộc chị Nguyễn Thị NA ký giấy nợ không số tiền 75.000.000 đồng.

- Lần 2: Lúc 18 giờ 30 phút ngày 06/7/2021 Tr chở chị NA từ quán cà phê H ở ấp H, xã P, huyện LT đến phòng 106, nhà nghỉ “Lê Quỳnh” thuộc ấp Phước Hòa, xã Long Phước, huyện LT rồi giữ NA ở lại tại đây từ 18 giờ 30 phút ngày 06/7/2021 đến 06 giờ ngày 07/7/2021 để ép buộc NA trả nợ. Trong thời gian giữ NA tại nhà nghỉ trên Tr có hành vi dùng vũ lực ngay tức khắc chiếm đoạt của NA 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y20 màu trắng có trị giá 1.850.000 đồng. *Tổng giá trị mà Tr nhằm mục đích chiếm đoạt của bị hại chị Nguyễn Thị NA là 76.850.000 đồng.*

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành Tr:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thành Tr thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân. Xét lời khai của bị cáo Tr có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết L: Nguyễn Thành Tr được Trần Ngọc H nhờ đòi tiền chị Nguyễn Thị NA sinh ngày 11/6/2005 giúp chị Trần Thị Hồng Ph. Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 06/7/2021 Tr đã 02 lần có hành vi “Giữ người trái pháp luật” theo điểm d, e khoản 2 Điều 157.

Đối với hành vi “Cướp tài sản”, Về mặt khách quan: Tội cướp tài sản được thể hiện bởi một trong các hành vi dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc; hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời khai người bị hại tại các bút lục từ 54 đến 64 thì hành vi uy hiếp, đe dọa dùng vũ lực của bị cáo Tr có dấu hiệu phạm tội “ Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với hành vi bị cáo Tr dùng vũ lực ngay tức khắc chiếm đoạt của NA 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y20 màu trắng có trị giá 1.850.000 đồng có dấu hiệu của tội “ Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 3 đến 10 năm tù.

Đối với hành vi “Giữ người trái pháp luật” theo điểm d, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 02 đến 05 năm tù cấp sơ thẩm đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo 02 năm tù.

Đối với hành vi “ Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt từ 3 đến 10 năm tù. Hành vi “ Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự cũng có khung hình phạt từ 3 đến 10 năm tù.

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 7 năm tù về tội “ Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là xét thu hút tội phạm vào một tội danh. Xét mức án trên cũng tương xứng với 02 tội danh “ Cưỡng đoạt tài sản” và “ Cướp tài sản”. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời xét bị cáo là người chưa thành niên phạm tội cần áp dụng quy định tại Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét tính lại mức án cho bị cáo chỉ bằng $\frac{3}{4}$ mức án của người thành niên phạm tội để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật tạo điều kiện cho người phạm tội sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội là thỏa đáng, không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo có 01 phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về cơ bản phù hợp với 01 phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành Tr sửa bản án sơ thẩm số 195/2022/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện LT.

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 157, điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr: **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” và **05** (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chấp hành hình phạt chung là: **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2021.

2. Bị cáo Nguyễn Thành Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 195/2022/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện LT không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Công an tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện LT; (02)
- Công an huyện LT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện LT;
- Chi cục THA dân sự huyện LT;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phong

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **80/2022/TBKQXXPT**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2022

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.
- Căn cứ bản án hình sự phúc thẩm số: 80/2022/HS-PT ngày 16/3/2022.

Thông báo đến: Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Về việc bị cáo:

Hoàng Tiến Cường (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 03-3-2004, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Tổ 48, khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nơi ở hiện nay: 106/1B, tổ 7, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Nghề nghiệp: Không.

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật hình sự. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thông báo để quý Ủy ban được rõ.

Nơi nhận:

-Như trên;
-Lưu hs;

THẨM PHÁN

Trần Nam Phương